

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG
2. Tên môn học (tiếng Anh) : SUPPLY CHAIN MANAGEMENT
3. Mã số môn học : MAG307
4. Trình độ đào tạo : Đại học
5. Ngành đào tạo áp dụng : QUẢN TRỊ KINH DOANH
6. Số tín chỉ : 03
 - Lý thuyết : 5/3 tín chỉ (tương đương 25 tiết)
 - Thảo luận và bài tập : 01 tín chỉ (tương đương 15 tiết)
 - Thực hành : 00
 - Khác (tham gia các buổi báo cáo tiểu luận nhóm) : 1/3 tín chỉ (tương đương 05 tiết)
7. Phân bổ thời gian :
 - Tại giảng đường : 45 tiết
 - Tự học ở nhà : 90 giờ để chuẩn bị bài, tự học, làm tiểu luận nhóm
 - Trực tuyến : Giảng viên có thể bố trí học online nhưng tổng số không quá 30% số tiết của toàn môn học
 - Khác : 00
8. Khoa quản lý môn học : Khoa Quản trị kinh doanh
9. Môn học trước : Quản trị học
10. Mô tả môn học:

Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học chuỗi cung ứng và việc quản lý chuỗi cung ứng, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục tiêu, phương pháp, và các kỹ thuật, kỹ năng xây dựng

hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị cho nhà quản trị tương lai.

11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:

11.1 Mục tiêu của môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Nội dung CĐR CTĐT ¹ phân bổ cho môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)
CO1	Trong khối lượng 3 tín chỉ, môn học cung cấp và thúc đẩy sinh viên làm chủ kiến thức chuyên sâu về chuỗi cung ứng, hoạt động chuỗi cung ứng, công cụ quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng: lập kế hoạch, nguồn cung, sản xuất, phân phối, đánh giá và xây dựng chuỗi cung ứng.	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	PLO4
		Khả năng nhận diện, phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, vận hành, marketing, kế toán, tài chính, dự án và chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh.	PLO6
		Khả năng chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng và triển khai dự án kinh doanh.	PLO8
CO2	Trong khối lượng 3 tín chỉ, môn học định hướng cho sinh viên cách thức vận dụng phân tích vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh	Khả năng vận dụng phân tích các kiến thức chuyên sâu về chuỗi cung ứng nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực có sẵn của doanh nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp bối cảnh quốc tế.	PLO8

¹ Giải thích ký hiệu viết tắt: CĐR – chuẩn đầu ra; CTĐT - chương trình đào tạo.

11.2 Chuẩn đầu ra của môn học (CĐR MH) và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CĐR CTĐT)

CĐR MH	Nội dung CĐR MH	Mức độ theo thang đo của CĐR MH	Mục tiêu môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)
CLO1	Hoàn thành học phần, sinh viên hiểu và <i>giải thích</i> được khái niệm, vai trò, bản chất, đồng thời <i>phác họa</i> và <i>thực hành</i> được quá trình hoạt động chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.	3	CO1 CO2	PLO4 PLO6 PLO8
CLO2	Hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được việc <i>xem xét thấu đáo, tiếp thu tích cực, thảo luận khách quan</i> các quan điểm, tiếp cận đa dạng về quá trình hoạt động chuỗi cung ứng ; <i>lựa chọn và phác thảo</i> được mô hình hoạt động chuỗi cung ứng của doanh nghiệp mà mình hướng tới.	3	CO1 CO2	PLO4 PLO8
CLO3	Hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được việc <i>định hình và minh họa</i> rõ cách thức vận dụng các kỹ năng chuyên sâu về chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh .	3	CO2	PLO8

11.3 Ma trận đóng góp của môn học cho PLO

Mã CĐR CTĐT	PLO4	PLO6	PLO8
Mã CĐR MH			
CLO1	3	3	3
CLO2	3	3	3
CLO3	3	3	3

12. Phương pháp dạy và học

Triết lý đào tạo “**lấy người học làm trung tâm**” được áp dụng. Do đó *chiến lược giảng dạy tương tác* được vận dụng; theo đó, hoạt động giảng dạy của giảng viên luôn định hướng vào: khuyến khích sinh viên quan tâm đến nghề nghiệp; thúc đẩy việc thu nhận kiến thức, hình thành các khuôn mẫu ứng xử. Môi trường giảng dạy hướng đến việc động viên kịp thời, tạo động lực tích cực, khuyến khích tinh thần đồng đội và thảo luận cởi mở. Kết quả học tập mong đợi dự kiến đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học, với 40% thời gian giảng viên thuyết giảng lý thuyết, 50% sinh viên thuyết trình, thảo luận với giảng viên, nhóm và lớp học, 10% làm bài tập cá nhân.

Phương pháp giảng dạy tích cực được thực hiện. Giảng viên chủ yếu đóng vai trò là người truyền bá tri thức khoa học, tổ chức, cố vấn, hỗ trợ người học khám phá, làm chủ tri thức, phát triển khả năng giải quyết vấn đề liên quan đến khoa học lãnh đạo trong tổ chức kinh doanh. Giảng viên giải thích, phân tích các khái niệm, nguyên lý, bản chất của khoa học lãnh đạo; trả lời các câu hỏi của sinh viên; nêu các vấn đề để sinh viên tự học, tự nghiên cứu, khám phá và làm chủ tri thức liên quan. Giảng viên áp dụng *phương pháp giảng dạy theo nhóm*: tổ chức hình thức học tập theo nhóm (hình thức học tập hợp tác) để tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác nhằm giúp sinh viên thực hiện và nâng cao năng lực tranh luận, thảo luận về tri thức khoa học, củng cố năng lực làm việc nhóm, tạo cơ hội trải nghiệm quá trình lãnh đạo (và tham gia vào quá trình lãnh đạo) nhóm nhỏ cho sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên cũng có thể áp dụng *phương pháp giảng dạy nêu vấn đề* nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề liên quan đến khoa học lãnh đạo trong tổ chức kinh doanh cho sinh viên.

Sinh viên cần phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động trong quá trình học tập tại giảng đường và ở nhà nhằm nắm vững các tri thức căn bản, hình thành và phát triển năng lực tự học (sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo; lắng nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin, thảo luận, hỏi đáp...), trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo, độc đáo trong tư duy, chiếm lĩnh và làm chủ tri thức liên quan đến khoa học lãnh đạo trong tổ chức kinh doanh. Sinh viên cần bố trí thời gian tự học ở nhà hợp lý để chuẩn bị bài học, tự nghiên cứu sâu để khám phá và làm chủ tri thức về lãnh đạo. Sinh viên cần có kỹ năng làm việc nhóm, phát huy tinh thần tương trợ, có thái độ nghiêm túc,

trách nhiệm cao để tham gia các hoạt động nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm học tập.

Quy định về hình thức giảng dạy: Giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là trực tuyến (online) kết hợp trực tiếp (offline), đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

13. Yêu cầu môn học

– Sinh viên chỉ được đánh giá đạt học phần khi: (1) có điểm quá trình, (2) có điểm thi kết thúc học phần (trường hợp sinh viên nhận điểm 0 do vắng thi không được ghi nhận là có điểm thi), (3) có tổng điểm học phần từ 4 trở lên.

– Tùy số lượng sinh viên mà giảng viên quyết định số lượng thành viên các nhóm học tập.

– Sinh viên tham dự lớp học phần phải tuân thủ quy tắc ứng xử của Nhà Trường; sinh viên phải đến lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu.

– Sinh viên phải có ý thức chuẩn bị giáo trình, học liệu, máy tính cá nhân (khi cần thiết) để phục vụ quá trình học tập.

14. Học liệu của môn học

14.1. Giáo trình

[1] TS. Nguyễn Bá Hùng Anh (2017) Quản trị chuỗi cung ứng. NXB kinh tế TP.HCM

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Đức Dũng (2019) Quản trị chuỗi cung ứng 4.0. NXB thế giới

[2] Richard E. Crandall, William R. Crandall, Charlie C. Chen (2016) Principle of supply chain management

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

1. Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Các CĐR MH	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần	CLO1, CLO2	10%
	A.1.2. Bài kiểm tra tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	20%
	A.1.3. Tiểu luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	20%
A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Bài thi tự luận	CLO1, CLO2	50%

2. Nội dung và phương pháp đánh giá

A.1. Đánh giá quá trình

A.1.1. Chuyên cần

❖ Nội dung đánh giá

Nội dung của đánh giá chuyên cần gồm: tần suất hiện diện của sinh viên và sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường.

❖ Phương pháp và tổ chức thực hiện đánh giá

Đánh giá kết quả học tập bằng đánh giá chuyên cần được thực hiện bằng phương thức điểm danh và ghi nhận quá trình tham gia học tập các nội dung của học phần. *Điểm danh* thực hiện trên danh sách lớp học phần chính thức do Trường cung cấp. Việc *ghi nhận quá trình tham gia học tập các nội dung của học phần* được thực hiện khi: (1) giảng viên mời đích danh sinh viên trả lời các câu hỏi hay phân công giải quyết các bài tập/chủ đề thảo luận (tham gia thụ động), (2) sinh viên tự giác (xung phong) trả lời các câu hỏi hay tham gia giải quyết các bài tập/chủ đề thảo luận (tham gia chủ động); sinh viên có tần suất tham gia trên 50% số buổi học với đa số lời đáp sát đáp án của vấn đề thì được xác định là chủ động tham gia rất tích cực vào quá trình học tập trên giảng đường.

A.1.2. Bài kiểm tra tự luận

❖ Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá của Bài kiểm tra cá nhân là khối lượng kiến thức kiểm tra tương ứng với khối lượng kiến thức của tiến độ dạy học đã được quy định. Đề kiểm tra do giảng viên soạn, chịu trách nhiệm về chuyên môn; tối thiểu có 02 câu hỏi; thời gian kiểm tra tối đa bằng thời gian thi hết học phần.

❖ Phương pháp và tổ chức thực hiện đánh giá

Đánh giá kết quả học tập bằng Bài kiểm tra cá nhân được thực hiện bằng cách tổ chức kiểm tra tập trung tại giảng đường theo hình thức: tự luận và được sử dụng tài liệu (trong trường hợp cần thiết, có thể thay thế bằng hình thức kiểm tra online; trong trường hợp này, giảng viên sẽ thông báo chi tiết đến sinh viên ít nhất 1 tuần trước ngày kiểm tra về thời gian giao đề, thời gian thực hiện bài kiểm tra, phương thức làm bài và nộp bài kiểm tra qua mạng internet).

A.1.3. Tiểu luận nhóm

❖ *Nội dung đánh giá*

Nội dung đánh giá của hình thức đánh giá kết quả học tập bằng Tiểu luận nhóm là khối lượng kiến thức của học phần đã quy định trong Đề cương này, thể hiện cụ thể qua các chủ đề của tiểu luận nhóm.

❖ *Phương pháp và tổ chức thực hiện*

Đánh giá kết quả học tập bằng Tiểu luận nhóm được thực hiện bằng hình thức đánh giá nội dung, hình thức bài tiểu luận do một nhóm không quá 5 thành viên thực hiện (khi cần thiết, giảng viên xem xét việc tăng thành viên của nhóm), qua đó lựa chọn nhóm báo cáo bài tiểu luận để tổ chức thảo luận toàn thể lớp học phần. Quy cách của tiểu luận được giảng viên quy định ở buổi học thứ nhất.

Giảng viên tổ chức cho sinh viên hình thành các nhóm viết tiểu luận. Đề tài của tiểu luận, thời gian và phương thức nộp tiểu luận (bằng file) được giảng viên thông báo nhóm sinh viên trực tiếp tại lớp hoặc qua email trong tuần học đầu tiên của học phần. Nhóm sinh viên tổ chức thực hiện tiểu luận trong thời gian tự học tại nhà; sau đó nộp tiểu luận đến giảng viên theo thời gian quy định. Giảng viên chấm tiểu luận, trả điểm và cung cấp nhận xét cho các nhóm rút kinh nghiệm, đúc kết tri thức cần lĩnh hội. Việc lựa chọn nhóm sinh viên thực hiện báo cáo tiểu luận do giảng viên quyết định dựa vào chất lượng (nội dung khoa học và hình thức trình bày) của tiểu luận và quỹ thời gian cho phép của học phần.

A.2. Bài thi tự luận

❖ *Nội dung đánh giá*

Nội dung đánh giá của hình thức đánh giá kết quả học tập bằng Bài thi tự luận là khối lượng kiến thức của học phần đã quy định trong các chương của Đề cương này.

❖ *Phương pháp và tổ chức thực hiện*

Thi cuối kỳ được Trường thực hiện bằng cách tổ chức thi tập trung tại giảng đường theo lịch đã thông báo trước. Hình thức thi: tự luận và được sử dụng tài liệu theo quy định của Trường. Thời gian thi là 60 phút. Đề thi do giảng viên ra đề theo phân công của khoa quản lý môn học. Mỗi đề thi gồm tối thiểu 3 câu hỏi tự luận và được chấm theo thang điểm 10; đáp án được chia thành các ý với mỗi ý được quy định tối thiểu là 0,5 điểm. (Khi ngân hàng câu hỏi thi cho học phần được hoàn thành thì đề thi được xây dựng từ ngân hàng câu hỏi thi theo quy trình làm đề thi và các quy định liên quan sẽ được cập nhật lại trong đề thi, đồng thời thông báo cho sinh viên).

3. Các rubrics đánh giá

A.1. Đánh giá quá trình

A.1.1. Chuyên cần

Bảng tiêu chí đánh giá (rubric)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Tần suất hiện diện của sinh viên	40%	Hiện diện giảng đường dưới 40% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 50% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 60% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 70% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 80% số buổi học
Sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường	60%	không tham gia vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	tham gia thụ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	tham gia chủ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	chủ động tham gia tích cực vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	chủ động tham gia rất tích cực vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt thời học phần

A.1.2. Bài kiểm tra tự luận

Rubric sau đây được dùng để chấm cho từng câu hỏi trong bài kiểm tra.

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	40%	Không sử dụng lý luận khoa học liên quan	Có sử dụng nhưng chưa đúng lý luận khoa học liên quan	Trình bày lý luận khoa học liên quan, nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về lý luận khoa học liên quan
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	40%	Không có logic trong lập luận; thiếu minh chứng	Lập luận còn lỏng lẻo; minh chứng thiếu tính thuyết phục	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ; minh chứng thuyết phục	Lập luận chặt chẽ; minh chứng thuyết phục
Văn phong bài kiểm tra	20%	Hành văn tối nghĩa ở các phần nội dung chính	Hành văn lủng củng khiến cho người đọc khó có thể hiểu nội dung	Hành văn lủng củng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi có lỗi diễn đạt	Hành văn rõ ràng, mạch lạc

A.1.3. Tiểu luận nhóm

Bảng tiêu chí đánh giá (rubric)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Cấu trúc của tiểu luận	10%	Tiểu luận thiếu một phần trong hai phần: phần cơ sở lý luận khoa học liên quan; danh sách tác giả	Tiểu luận thiếu phần kết luận	Tiểu luận thiếu tham khảo, danh mục bảng - hình	Tiểu luận thiếu mục lục tự động	Tiểu luận có đủ tất cả các phần theo quy định
Giới thiệu vấn đề	10%	Không trình bày được tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày không đúng về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày được nhưng chưa đủ về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày được về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề nhưng chưa thuyết phục người đọc	Phân tích rõ ràng, rất thuyết phục về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	20%	Không sử dụng lý luận khoa học	Có sử dụng nhưng chưa	Trình bày lý luận khoa học	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên	Sử dụng chính xác, rất

		học liên quan	đúng lý luận khoa học liên quan	học liên quan, nhưng chưa đủ sức thuyết phục	quan, có sức thuyết phục	thuyết phục về lý luận khoa học liên quan
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	20%	Không có logic trong lập luận; thiếu minh chứng	Lập luận còn lỏng lẻo; minh chứng thiếu tính thuyết phục	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ; minh chứng thuyết phục	Lập luận chặt chẽ; minh chứng thuyết phục
Văn phong khoa học	10%	Hành văn tối nghĩa ở các phần nội dung chính	Hành văn lung củng khiến cho người đọc khó có thể hiểu nội dung	Hành văn lung củng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi có lỗi diễn đạt	Hành văn rõ ràng, mạch lạc
Lỗi đạo văn	10%	Trên 50%	Từ 46%-50%	Từ 31%-45%	Từ 15%-30%	Dưới 15%
Hình thức	10%	Không định dạng theo bất cứ tiêu chí nào	Có lỗi: không căn lề, không thống nhất định dạng đoạn văn, sai khổ giấy	Có lỗi: Không định dạng toàn văn bản, không thống nhất	Có lỗi: thiếu đánh số trang; thiếu bìa hoặc trình bày bìa sai quy định	Định dạng đúng tất cả các tiêu chí yêu cầu

				font chữ		
Báo cáo bài nhóm (chỉ chấm cho nhóm đạt tiêu chuẩn để báo cáo)						
+ Kỹ năng thuyết trình	5%	Không thể báo cáo được bài tiểu luận	Báo cáo bài kém thuyết phục; tương tác chưa tốt; quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục; tương tác chưa tốt; quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục; tương tác tốt; quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục; tương tác tốt; quản lý thời gian tốt
+ Trả lời câu hỏi	5%	Không trả lời được các câu hỏi đặt hỏi đúng	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng cho chỉ dưới 1/2 các câu hỏi đặt hỏi đúng	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng từ 1/2 các câu hỏi đặt hỏi đúng trở lên; các câu còn lại có hướng trả lời chấp nhận được	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng từ 1/2 các câu hỏi đặt hỏi đúng trở lên; các câu còn lại có hướng trả lời chấp nhận được	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng cho tất cả các câu hỏi đặt hỏi đúng

A.2. Bài thi trắc nghiệm: Rubric sau đây được dùng để chấm cho các ý đáp án phải trả lời cho từng câu hỏi của đề thi.

Mức độ Chương	Mức 1: Biết		Mức 2: Hiểu		Mức 3: Áp dụng và phân tích		Mức 4: Tổng hợp và đánh giá		Tổng SL	Tổng điểm
	Trắc nghiệm		Trắc nghiệm		Trắc nghiệm		Trắc nghiệm			
	SL	Điểm	SL	Điểm	SL	Điểm	SL	Điểm		
1	1	0,2	2	0,4	2	0,4	2	0,4	7	1,4
2	2	0,4	3	0,6	3	0,6	1	0,2	9	1,8
3	2	0,4	2	0,4	2	0,4	2	0,4	8	1,6
4	2	0,4	3	0,6	3	0,6	2	0,4	10	2,0
5	2	0,4	3	0,6	3	0,6	2	0,4	10	2,0
6	1	0,2	2	0,4	2	0,4	1	0,2	6	1,2
Tổng SL	10		15		15		10		50	
Tổng điểm	2		3		3		2			10

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Thời lượng (tiết)	Nội dung giảng dạy chi tiết	CĐR MH	Hoạt động dạy và học	Phương pháp đánh giá	Học liệu
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
5	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG 1.1. Tổng quan về chuỗi cung ứng 1.2. Hoạt động của chuỗi cung ứng 1.2.1. Sản xuất 1.2.2. Tồn kho 1.2.3. Địa điểm 1.2.4. Vận tải 1.2.5. Thông tin 1.3. Cấu trúc của chuỗi cung ứng 1.4. Những đối tượng tham gia trong chuỗi cung ứng		Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu môn học (chủ ý: giáo trình, công bố lịch kiểm tra giữa kỳ, giao đề tài bài tiểu luận nhóm). - Giảng bài, vấn đáp về các khái niệm cơ bản. - Tổ chức thảo luận nhóm về “hoạt động chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng” . - Giao sinh viên chuẩn bị bài Chương 2. SINH VIÊN: - Nghe giảng, tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài. - Trả lời câu hỏi của giảng viên.	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2.1	[1] <i>Chương 1 + 9;</i> [2] <i>Chương 1 + 2</i>

	1.5. Thiết lập chuỗi cung ứng phù hợp với chiến lược kinh doanh				
15	CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CHUỖI CUNG ỨNG: LẬP KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN CUNG CẤP 2.1. Mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng 2.2. Dự báo nhu cầu trong lập kế hoạch 2.2.1. Các phương pháp dự báo 2.2.2. Kế hoạch tổng hợp 2.3. Định giá sản phẩm 2.4. Quản lý tồn kho 2.4.1. Tồn kho theo chu kỳ 2.4.2. Mô hình EOQ 2.4.3. Tồn kho theo mùa 2.4.4. Tồn kho an toàn 2.5. Tìm nguồn cung ứng	PLO8	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: - Kiểm tra bài cũ. - Giảng bài mới. - Tổ chức thảo luận toàn thể lớp về các mô hình chuỗi cung ứng thành công trong thực tiễn. - Giao sinh viên chuẩn bị bài Chương 3. - Giải đáp các câu hỏi của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu (mục 2.4). - Giao sinh viên chuẩn bị chủ đề: Sự phù hợp giữa chuỗi cung ứng và chiến lược của doanh nghiệp và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp - Dặn dò sinh viên chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ (buổi 4) SINH VIÊN: - Nghe giảng, tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài. - Trả lời câu hỏi của giảng viên.	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2.1	[1] Chương 2; [2] Chương 4

	2.5.1.Mua sắm 2.5.2.Quản lý mức tiêu dùng 2.5.3.Lựa chọn nhà cung cấp 2.5.4.Thương lượng hợp đồng 2.5.5.Quản lý hợp đồng 2.6. Tín dụng và các khoản phải thu 2.6.1.Thiết lập chính sách tín dụng 2.6.2.Thực hiện thông lệ tín dụng và nhờ thu 2.6.3.Quản lý rủi ro tín dụng				
5	CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CHUỖI CUNG ỨNG: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI 3.1. Thiết kế sản phẩm trong sản xuất 3.2. Điều độ sản xuất 3.2.1.Mức sử dụng cao 3.2.2.Mức sử dụng thấp	PLO8	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: - Kiểm tra bài cũ. - Giảng bài mới. - Tổ chức thảo luận về chủ đề <i>Tâm quan trọng của việc thiết kế sản phẩm trong hoạt động sản xuất đồng thời thảo luận về việc sử dụng việc thuê ngoài trong hoạt động chuỗi cung ứng</i>. - Giao sinh viên chuẩn bị bài Chương 4. - Giải đáp các câu hỏi của sinh viên.	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2.1	[1] <i>Chương 3;</i> [2] <i>Chương 2+3</i>

	3.2.3. Mức phục vụ khách hàng cao 3.3. Quản lý nhà máy trong sản xuất 3.3.1. Vai trò của nhà máy trong sản xuất 3.3.2. Phân bổ công suất cho mỗi nhà máy 3.3.3. Phân bổ các nhà cung cấp và thị trường cho mỗi nhà máy 3.4. Quản lý đơn hàng trong phân phối 3.4.1. Nhập dữ liệu cho đơn hàng 3.4.2. Lộ trình đơn hàng tự động 3.4.3. Tình trạng đơn hàng 3.4.4. Tích hợp hệ thống đặt hàng 3.5. Kế hoạch phân phối 3.5.1. Phân phối trực tiếp 3.5.2. Phân phối theo lộ trình đã định 3.5.3. Nguồn phân phối 3.6. Thuê ngoài trong hoạt động cung ứng	- Tổ chức kiểm tra giữa kỳ (buổi 5). SINH VIÊN: - Nghe giảng, tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài, - Trả lời câu hỏi của giảng viên. - Tham gia thảo luận tại lớp về chủ đề “<i>Tầm quan trọng của việc thiết kế sản phẩm trong hoạt động sản xuất đồng thời thảo luận về việc sử dụng việc thuê ngoài trong hoạt động chuỗi cung ứng</i>”. - Tham gia kiểm tra giữa kỳ.		
--	--	---	--	--

15	CHƯƠNG 4: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUỖI CUNG ỨNG 4.1. Tác động “roi da” = Bullwhip 4.2 Chuỗi cung ứng phối hợp 4.2.1.Dự báo nhu cầu 4.2.2.Đặt hàng theo lô 4.2.3.Hoạt động phân bổ sản phẩm 4.2.3.Định giá sản phẩm 4.2.4.Khuyến khích việc thực hiện 4.3. Hợp tác hoạch định, dự báo và cung cấp bổ sung – CPER 4.3.1.Hoạt động của CPER 4.3.2.Chuỗi cung ứng hợp tác 4.4. Hệ thống thông tin hỗ trợ chuỗi cung ứng 4.4.1.Thu thập và giao tiếp dữ liệu 4.4.2.Lưu trữ và phục hồi dữ liệu	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: - Kiểm tra bài cũ; - Giảng bài mới, - Tổ chức thảo luận về “các nguyên nhân dẫn đến hiệu ứng roi da – Bullwhip”. - Giao sinh viên chuẩn bị bài Chương 5. - Nhắc sinh viên hạn nộp bài tiểu luận nhóm (buổi 6), thông báo nhóm sinh viên báo cáo (buổi 7). - Chấm và trả điểm kiểm tra giữa kỳ (buổi 8). - Tổ chức cho sinh viên báo cáo bài tiểu luận nhóm (buổi 8). SINH VIÊN: - Nghe giảng, tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài. - Trả lời câu hỏi của giảng viên. - Thực hiện/tham gia buổi báo cáo bài tiểu luận nhóm; hỏi/đáp các vấn đề cần giảng viên/nhóm báo cáo giải đáp. - Chuẩn bị các nội dung về học phần cần được giải đáp ở buổi cuối.	A.1.1 A.1.3 A.2.1	[1] Chương 4+6; [2] Chương 7
----	--	---	----------------------------------	---

	4.4.3. Xử lý và báo cáo dữ liệu			
	4.5 Sự cần thiết của việc tiếp cận hệ thống công nghệ			
	4.6. E-Business và sự tích hợp chuỗi cung ứng			
5	CHƯƠNG 5: ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG 5.1. Mô hình tương quan thị trường – chuỗi cung ứng 5.2. Đo lường hiệu quả thị trường 5.2.1. Mức phục vụ khách hàng 5.2.2. Hiệu quả nội bộ 5.2.3. Nhu cầu linh hoạt 5.2.4. Phát triển sản phẩm 5.3. Khung đo lường hiệu quả 5.3.1. Hệ thống đo lường phục vụ khách hàng	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: - Kiểm tra bài cũ. - Giảng bài mới. - Công bố điểm quá trình. - Hướng dẫn sinh viên ôn tập. - Tổng kết học phần, giải đáp các thắc mắc của sinh viên. SINH VIÊN: - Nghe giảng, tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài. - Trả lời câu hỏi của giảng viên. - Xem điểm, đề nghị điều chỉnh sai sót (nếu có) và xác nhận điểm. - Trao đổi với giảng viên, cả lớp về các nội dung trong học phần còn cần được giải đáp.	A.1.1 A.1.3 A.26.1	[1] Chương 5+7+ 8; [2] Chương 8

	5.3.2.Hệ thống đo lường hiệu quả nội bộ 5.3.3.Hệ thống đo lường nhu cầu linh hoạt 5.3.4.Hệ thống đo lường phát triển sản phẩm 5.4. Các hoạt động thực hiện hiệu quả chuỗi cung ứng 5.5. Thu thập và trình bày dữ liệu trong hoạt động chuỗi cung ứng 5.5.1.Ba cấp độ chi tiết của hệ thống dữ liệu 5.5.2.Kho dữ liệu 5.5.3.Xác định vấn đề và tìm cơ hội thị trường 5.5.3.Thị trường di chuyển 5.5.4.Chia sẻ dữ liệu dọc theo chuỗi cung ứng			
	Môn học được giảng dạy trực tuyến tối đa không quá 30% tổng thời lượng chương trình.			

TRƯỞNG BỘ MÔN



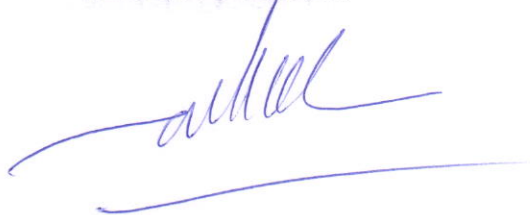
Đặng Trương Thanh Nhân

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Võ Thị Ngọc Linh

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Tiến

**kt. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung

